**ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP TUẦN 3**

**Môn: Lịch sử - Lớp 12**

1. Khoảng 20 năm đầu sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Mĩ trở thành

**A.** nước có nền nông nghiệp phát triển nhất thế giới.

**B.** nước có nền công nghiệp phát triển nhất thế giới.

**C.** trung tâm khoa học – kĩ thuật lớn nhất thế giới.

**D.** trung tâm kinh tế - tài chính lớn nhất thế giới.

1. Thất bại nặng nề nhất của Mĩ trong quá trình thực hiện “Chiến lược toàn cầu” là

**A.** Thắng lợi của cuộc cách mạng Trung Quốc năm 1949.

**B.** Thắng lợi của cách mạng Cu Ba năm 1959.

**C.** Thắng lợi của cách mạng Việt Nam năm 1975.

**D.** Thắng lợi của cuộc cách mang Hồi giáo I-ran năm 1979.

1. Ý nào dưới đây không phải là nguyên nhân đưa Nhật Bản nhanh chóng trở thành một siêu cường kinh tế?

**A.** Áp dụng những thành tựu của cách mạng khoa học - kĩ thuật hiện đại.

**B.** Vai trò lãnh đạo, quản lí có hiệu quả của Nhà nước.

**C.** Nguồn tài nguyên phong phú, không bị chiến tranh tàn phá.

**D.** Yếu tố con người được Nhà nước Nhật Bản quan tâm, đầu tư hàng đầu.

1. Nguyên nhân chính dẫn đến cuộc Chiến tranh lạnh là

**A.** Do sự xung đột hệ tư tưởng tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa.

**B.** Do Mĩ lo ngại trước ảnh hưởng to lớn của Liên Xô và các nước XHCN.

**C.** Do sự đối lập về mục tiêu và chiến lược giữa hai cường quốc Xô – Mĩ.

**D.** Do chủ nghĩa xã hội trở thành một hệ thống thế giới.

1. Những thành tựu chủ yếu về khoa học – kĩ thuật hiện đại của Mĩ sau Chiến tranh thế giới thứ hai là

**A.** chế tạo công cụ sản xuất mới, các nguồn năng lượng mới, tìm ra những vật liệu mới.

**B.** thực hiện “Cuộc cách mạng xanh” trong nông nghiệp.

**C.** sản xuất được những vũ khí hiện đại.

**D.** chinh phục vũ trụ, đưa người lên mặt trăng.

1. Nhân tố quyết định đưa Nhật Bản vươn lên thành siêu cường kinh tế là.

**A.** vai trò lãnh đạo, quản lí có hiệu quả của Nhà nước.

**B.** chi phí cho quốc phòng rất thấp.

**C.** nguồn nhân lực có chất lượng, đạo đức lao động tốt, tiết kiệm, kỉ luật.

**D.** áp dụng thành tựu khoa học kĩ thuật.

1. Trật tự thế giới được thiết lập sau Chiến tranh lạnh là

**A.** trật tự thế giới “đơn cực”. **B.** trật tự thế giới “hai cực”.

**C.** trật tự thế giới “ba cực”. **D.** trật tự thế giới “đa cực”.

1. **Sự kiện nào dẫn đến sự tan vỡ mối quan hệ Đồng minh giữa Liên Xô và Mĩ?**

**A.** Sự hình thành hệ thống XHCN sau Chiến tranh thế giới thứ hai.

**B.** Sự ra đời của "Chủ nghĩa Truman" và "Chiến tranh lạnh" (3/1947).

**C.** Việc Liên Xô chế tạo thành công bom nguyên tử (1949).

**D.** Sự ra đời của khối NATO (9/1949).

1. Nhật Bản đạt được sự phát triển “thần kì” vào thời gian nào?

**A.** 20 năm đầu sau CTTG2. **B.** 20 năm trước CTTG2.

**C.** 1952-1960. **D.** 1960-1973.

1. Bước vào thế kỉ XXI, xu thế chung của thế giới ngày nay là gì?

**A.** Hòa bình, ổn định, hợp tác và phát triển.

**B.** Xu thế hòa hoãn và hòa dịu trong quan hệ quốc tế.

**C.** Cùng tồn tại trong hòa bình, các bên cùng có lợi.

**D.** Hòa nhập nhưng không hòa tan.

1. Mục đích Mĩ phát động “Chiến tranh lạnh”?

**A.** Chống phong trào cách mạng giải phóng dân tộc ở Mĩ latinh.

**B.** Làm bá chủ thế giới.

**C.** Chống Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa.

**D.** Lôi kéo, khống chế các nước tư bản đồng minh’.

1. Nền tảng căn bản trong chính sách đối ngoại của Nhật là

**A.** liên minh chặt chẽ với Mĩ. **B.** liên minh chặt chẽ với Pháp.

**C.** liên minh chặt chẽ với Liên Xô. **D.** liên minh chặt chẽ với Trung Quốc.

1. Điểm giống nhau trong chính sách đối ngoại của các đời tổng thống Mĩ là gì?

**A.** Thực hiện “Chiến lược toàn cầu”. **B.** “Chủ nghĩa lấp chỗ trống”.

**C.** Xác lập một trật tự thế giới có lợi cho thế giới. **D.** Đều tiến hành“ chiến tranh tổng lực”.

1. Một trong những ưu tiên hàng đầu về chính trị của các nước Tây Âu từ năm 1945- 1950 là

**A.** khắc phục hậu quả của chiến tranh, phát triển kinh tế.

**B.** tiến hành các cải cách dân chủ, ổn định đời sống nhân dân.

**C.** liên minh chặt chẽ với Mĩ, đồng thời tìm cách trở lại các thuộc địa cũ của mình.

**D.** liên kết lại với nhau ngăn chặn sự ảnh hưởng của Mĩ.

1. Sau chiến tranh thế giới thứ hai (1939- 1945), nhiều nước Tây Âu đã gia nhập tổ chức liên minh quân sự do Mĩ đứng đầu, đó là tổ chức

**A.** NATO. **B.** SEATO. **C.** CENTO. **D.** AUZUS.

1. Quốc gia nào ở Tây Âu đã trở thành một tâm điểm của sự đối đầu ở Châu Âu giữa hai cực Liên Xô và Mĩ trong thời kì chiến tranh lạnh?

**A.** Bồ Đào Nha. **B.** Bỉ.

**C.** Cộng hòa Liên bang Đức. **D.** Cộng hòa dân chủ Đức.

1. Tây Âu đã trở thành một trong ba trung tâm kinh tế- tài chính lớn của thế giới cùng với Mĩ và Nhật Bản vào thời gian nào?

**A.** Nửa sau thập kỉ 50 của thế kỉ XX. **B.** Đầu thập kỉ 70 của thế kỉ XX.

**C.** Đầu thập niên 90 của thế kỉ XX. **D.** Giữa thập niên 90 của thế kỉ XX.

1. Nhân tố nào sau đây không phải là nguyên nhân dẫn đến sự phát triển của kinh tế, khoa học kĩ thuật của các nước Tây Âu từ 1950 đến 1973?

**A.** Áp dụng những thành tựu khoa học kĩ thuật hiện đại. **B.** Vai trò quản lí, điều tiết của nhà nước.

**C.** Tận dụng tốt các cơ hội từ bên ngoài. **D.** Chi phí cho quốc phòng thấp.

1. Năm 1951, sáu nước Tây Âu tham gia thành lập “Cộng đồng than – thép Châu Âu” gồm

**A.** Pháp – Cộng hòa Liên Bang Đức – Bỉ - Italia – Hà Lan – Lúcxămbua.

**B.** Pháp – Cộng hòa Liên Bang Đức – Bỉ - Italia - Phần Lan - Lúcxămbua.

**C.** Anh – Pháp – Bỉ - Canada – Thụy Điển – Phần Lan.

**D.** Pháp - Cộng hòa Liên Bang Đức - Canada – Bỉ - Italia - Phần Lan.

1. Liên minh Châu Âu EU ra đời nhằm

**A.** hợp tác liên minh giữa các nước thành viên trong các lĩnh vực kinh tế, tiền tệ, chính trị, đối ngoại và an ninh chung.

**B.** phát triển kinh tế và văn hóa thông qua những nỗ lực hợp tác chung giữa các nước thành viên.

**C.** tăng cường sự hợp tác giữa các nước thành viên, thúc đẩy sự tiến bộ về kinh tế và kĩ thuật.

**D.** hợp tác và phát triển có hiệu quả trong các lĩnh vực kinh tế, văn hóa và xã hội.

1. Đồng tiền chung Châu Âu với tên gọi EURO chính thức được sử dụng ở nhiều nước EU, thay cho đồng bản tệ vào

**A.** ngày 1- 1- 1999. **B.** ngày 1-1- 2000. **C.** ngày 1- 1- 2001. **D.** ngày 1- 1- 2002.

1. Chính sách đối ngoại xuyên suốt của Mĩ từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến năm 2000 là

**A.** khống chế, chi phối các nước tư bản đồng minh phụ thuộc vào Mĩ.

**B.** triển khai chiến lược toàn cầu với tham vọng làm bá chủ thế giới.

**C.** chống phá Liên Xô và các nước XHCN trên thế giới.

**D.** Can thiệp vào công việc nội bộ của các nước, sau đó tiến hành chiến tranh xâm lược.

1. Từ sau cuộc khủng hoảng và suy thoái kinh tế năm 1973, vị trí nền kinh tế Mĩ ra sao?

**A.** Đứng đầu thế giới tư bản với ưu thế tuyệt đối.

**B.** Vẫn đứng đầu thế giới tư bản, nhưng đã suy giảm nhiều so với trước.

**C.** Tụt xuống hàng thứ hai thế giới sau Nhật Bản.

**D.** Ngang bằng với Tây Âu và Nhật Bản.

1. Trong quá trình triển khai chiến lược toàn cầu, Mĩ đã thu được một số kết quả **ngoại trừ** việc

**A.** lôi kéo được nhiều nước đồng minh đi theo ủng hộ Mĩ.

**B.** ngăn chặn, đẩy lùi được CNXH trên phạm vi thế giới.

**C.** Làm chậm lại quá trình giành độc lập của nhiều nước trên thế giới.

**D.** Làm cho nhiều nước bị chia cắt trong thời gian dài.

1. Sự kiện ngày 11 – 9 – 2001 ở Mĩ, đã đặt các quốc gia dân tộc trước những thách thức gì?

**A.** Sự bất cập trong hoạt động quốc phòng, an ninh.

**B.** Sự suy giảm về kinh tế.

**C.** Sự bất ổn về chính trị.

**D.** Chủ nghĩa khủng bố với những nguy cơ khó lường.

1. Ý nào sau đây không phải là mục tiêu cơ bản trong “ Chiến lược toàn cầu” của Mĩ

**A.** Đàn áp phong trào giải phóng dân tộc, khống chế các nước đồng minh.

**B.** Ngăn chặn, đẩy lùi và tiến tới xoá bỏ XHCN trên thế giới.

**C.** Thiết lập sự thống trị trên toàn thế giới.

**D.** Sử dụng khẩu hiệu “Thúc đẩy dân chủ” để can thiệp vào công việc nội bộ của nước khác.

1. **Điểm nổi bật trong chính sách đối ngoại của nhiều nước Tây Âu từ 1950 đến 1973 đó là**

**A.** tiếp tục chính sách liên minh chặt chẽ với Mĩ, chống lại Liên Xô và nước XHCN Đông Âu.

**B.** vừa tiếp tục liên minh chặt chẽ với Mĩ, vừa cố gắng đa dạng hóa, đa phương hóa hơn nữa quan hệ đối ngoại.

**C.** vừa duy trì liên minh chặt chẽ với Mĩ, vừa mở rộng quan hệ với các nước châu Á, Châu Phi và khu vực Mĩ Latinh.

**D.** trở thành đối trọng của Mĩ và đặt quan hệ với các nước tư bản phát triển, các nước Châu Á, Châu Phi, Mĩ latinh.

**A.** hưởng của Mĩ.

1. **Mĩ đề ra “Kế hoạch Mácsan” (6/ 1947) với khoản viện trợ 17 tỉ USD cho các nước Tây Âu nhằm**

**A.** giúp các nước Tây Âu phát triển kinh tế sau chiến tranh và trở thành đồng minh của Mĩ.

**B.** biến các nước Tây Âu thành căn cứ tiền phương chống Liên Xô, các nước XHCN Đông Âu.

**C.** giúp các nước Tây Âu phục hồi kinh tế sau chiến tranh, tập hợp các nước này vào liên minh quân sự chống Liên Xô và các nước Đông Âu.

**D.** lôi kéo các nước Tây Âu vào các liên minh kinh tế, quân sự và mở rộng phạm vi ảnh.

1. **Đến cuối thập kỉ 90, tổ chức nào đã trở thành tổ chức liên kết chính trị - kinh tế lớn nhất hành tinh?**

**A.** Tổ chức Liên Hợp Quốc (UN). **B.** Liên minh châu Âu (EU).

**C.** Liên minh châu Phi (AU). **D.** Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN).

1. **Nhân tố nào sau đây không phải là nguyên nhân dẫn đến sự phát triển của kinh tế, khoa học kĩ thuật của các nước Tây Âu từ 1950 đến 1973?**

**A.** Áp dụng những thành tựu khoa học kĩ thuật hiện đại.**B.** Vai trò quản lí, điều tiết của nhà nước.

**C.** Tận dụng tốt các cơ hội từ bên ngoài. **D.** Chi phí cho quốc phòng thấp.

1. **Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến sự đối đầu gay gắt giữa Liên Xô và Mĩ sau Chiến tranh thế giới thứ hai là**

**A.** Do cả hai nước đều muốn bá chủ thế giới.

**B.** Do sự đối lập nhau về mục tiêu và chiến lược của hai cường quốc.

**C.** Mĩ trở thành cường quốc kinh tế và quân sự, muốn thiết lập trật tự “đơn cực”.

**D.** Liên Xô giúp đỡ các nước thuộc địa đấu tranh giành đọc lập đã thu hẹp hệ thống thuộc địa của Mĩ.

1. **Những năm sau Chiến tranh thế giới thứ hai, mối lo ngại lớn nhất của Mĩ là gì?**

**A.** CNXH trở thành một hệ thống thế giới, trải dài từ Đông Âu tới phía đông Châu Á.

**B.** Nhật Bản, Tây Âu vươn lên thành trung tâm kinh tế - tài chính lớn của thế giới.

**C.** Nội chiến Quốc – Cộng kết thúc, nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa ra đời.

**D.** Liên Xô chế tạo thành công bom nguyên tử, phá vỡ thế độc quyền vũ khí nguyên tử của Mĩ.

1. **Nhân tố chủ yếu đã chi phói các quan hệ quốc tế trong hơn bốn thập kỉ nửa sau thế kỉ XX là**

**A.** sự cạnh tranh khốc liệt về thị trường và thuộc địa giữa các nước tư bản.

**B.** xu thế liên minh kinh tế khu vực và quốc tế.

**C.** chiến tranh lạnh.

**D.** sự phân hóa giữa các quốc gia phát triển và chậm phát triển.

1. **Trong giai đoạn hiện nay, người Việt Nam học hỏi được gì từ người Nhật Bản để xây dựng phát triển đất nước?**

**A.** Ý thức tự lực, tự cường, cần cù, tiết kiệm, kỉ luật cao.

**B.** Khả năng nhạy bén với thời cuộc, đi tắt, đón đầu.

**C.** Ý chí kiên cường, không chịu khuất phục khó khăn.

**D.** Khả năng bất chấp mọi khó khăn, vươn lên không ngừng.

1. **Nhân tố quyết định đưa Nhật Bản vươn lên thành siêu cường kinh tế là**

**A.** vai trò lãnh đạo, quản lí có hiệu quả của Nhà nước.

**B.** chi phí cho quốc phòng rất thấp.

**C.** nguồn nhân lực có chất lượng, tính kỉ luật cao.

**D.** áp dụng thành tựu khoa học – kĩ thuật.

1. S**ức mạnh của các công ty độc quyền Nhật Bản thể hiện ở điểm nào?**

**A.** Tiềm lực nguồn vốn lớn được đầu tư mở rộng sản xuất, kinh doanh.

**B.** Việc xuất khẩu vốn tư bản ra nước ngoài để kiếm lời.

**C.** Khả năng chi phối, lũng đoạn nền kinh tế, chính trị đất nước.

**D.** Chiếm ưu thế cạnh tranh với các công ty độc quyền nước ngoài.

1. **Điểm khác biệt của Nhật Bản so với các nước khác để đẩy nhanh sự phát triển khoa học – kĩ thuật là**

**A.** Coi trọng và phát triển nền giáo dục quốc dân.

**B.** Đi sâu vào các ngành công nghiệp dân dụng.

**C.** Xây dựng nhiều công trình hiện đại trên mặt biển và dưới đáy biển.

**D.** Mua bằng phát minh của nước ngoài.

1. **Hiệp ước an ninh Mĩ – Nhật được kí kết nhằm mục đích gì?**

**A.** Nhật Bản muốn lợi dụng vốn kĩ thuật của Mĩ để phát triển kinh tế.

**B.** Mĩ muốn biến Nhật trở thành căn cứ quân sự.

**C.** Hình thành liên minh Mĩ – Nhật chống các nước xã hội chủ nghĩa.

**D.** Tạo thế cân bằng giữa Mĩ và Nhật.

1. **Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Nhật Bản gặp thêm khó khăn nào khác với các nước tư bản Tây Âu?**

**A.** Sự tàn phá nặng nề của chiến tranh. **B.** Phải khôi phục kinh tế.

**C.** Thiếu thốn gay gắt lương thực, thực phẩm.**D.** Phải dựa vào viện trợ của Mĩ dưới hình thức vay nợ.

1. **Nguyên nhân chủ yếu khiến các nước Tây Âu liên kết kinh tế với nhau nhằm**

**A.** thoát dần khỏi sự lệ thuộc vào Mĩ. **B.** cạnh tranh với các nước ngoài khu vực.

**C.** khẳng định sức mạnh và tiềm lực kinh tế. **D.** thành lập Nhà nước chung châu Âu.